

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2026	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 2 năm 2026	7 - 8
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 năm 2026	9 - 42

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		7.187.338.766.042	6.206.216.188.548
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	1.788.295.509.798	1.623.395.146.990
1. Tiền		111		531.864.430.349	390.617.985.338
2. Các khoản tương đương tiền		112		1.256.431.079.449	1.232.777.161.652
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		3.552.952.300.117	2.829.365.795.168
1. Chứng khoán kinh doanh		121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122	V.2a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		123	V.2b	3.565.794.477.654	2.842.110.328.191
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		124		(12.842.177.537)	(12.744.533.023)
5. Đầu tư ngắn hạn khác		125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác		126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1.477.537.299.905	1.306.865.372.218
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	890.120.676.318	673.784.889.294
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	198.919.448.215	196.842.503.241
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác		135	V.5a	429.947.614.042	476.960.706.823
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		136	V.6	(41.464.007.870)	(40.729.485.540)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý		137		13.569.200	6.758.400
IV. Hàng tồn kho		140		148.916.708.274	92.477.952.063
1. Hàng tồn kho		141	V.7	148.916.708.274	92.477.952.063
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn		150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn		151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn		152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn		153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác		160		219.636.947.948	354.111.922.109
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		161	V.8a	50.951.941.945	49.422.321.164
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		162		163.546.198.276	301.287.529.386
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		163	V.17	5.138.807.727	3.402.071.559
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.073.926.995.183	13.620.185.187.029
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.554.151.100	38.739.995.138
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	33.554.151.100	38.739.995.138
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.992.944.741.265	5.584.162.628.010
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.748.701.031.384	5.338.735.383.830
- Nguyên giá	222		9.197.926.278.597	8.164.569.860.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.449.225.247.213)	(2.825.834.476.621)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	-
- Nguyên giá	225		259.912.568.266	259.912.568.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(259.912.568.266)	(259.912.568.266)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	244.243.709.881	245.427.244.180
- Nguyên giá	228		401.434.058.291	390.579.655.076
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.190.348.410)	(145.152.410.896)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		1.234.970.742.853	1.269.929.190.028
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.12	1.234.970.742.853	1.269.929.190.028
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		4.856.209.118.579	4.875.454.146.720
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2d	4.811.113.306.969	4.828.102.997.796
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2e	36.913.687.500	41.913.687.500
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	V.2e	(21.000.000)	(2.662.538.576)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2c	8.203.124.110	8.100.000.000
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	270		1.956.248.241.386	1.851.899.227.133
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.8b	1.468.845.848.088	1.361.363.395.288
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.13	363.049.617.484	357.211.942.796
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
5. Lợi thế thương mại	279	V.14	124.352.775.814	133.323.889.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		21.261.265.761.225	19.826.401.375.577

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		5.654.170.580.349	4.908.147.222.414
I. Nợ ngắn hạn	310		2.976.054.186.438	2.342.521.762.972
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	803.999.967.968	686.187.347.040
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	12.711.358.779	9.842.248.827
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		202.550.278.090	2.412.251.900
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.17	321.408.132.464	160.122.507.614
5. Phải trả người lao động	315	V.18	125.775.252.937	220.540.081.914
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.19	383.602.937.397	375.331.544.065
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	V.20a	7.567.489.530	7.775.967.018
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.21a	489.320.760.177	328.468.205.260
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.22a	322.806.979.276	307.522.460.143
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.23	133.319.539.964	139.362.430.397
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	172.991.489.856	104.956.718.794
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2.678.116.393.911	2.565.625.459.442
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	337	V.20b	246.556.422.182	252.973.266.770
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.21b	235.189.624.120	231.012.177.679
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.22b	2.196.370.347.609	2.081.640.014.993
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.607.095.180.876	14.918.254.153.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25a	4.264.951.090.000	4.264.951.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.264.951.090.000	4.264.951.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	V.25a	3.920.183.061.040	3.920.183.061.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25a	128.097.775.902	128.097.775.902
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25a	479.480.960.060	468.455.589.543
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25a	73.121.317.440	73.121.317.440
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25a	72.381.836.572	72.381.836.572
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25a	4.779.451.795.758	4.212.636.741.407
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		3.111.721.893.197	4.212.636.741.407
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		1.667.729.902.561	
11. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.26	1.889.427.344.104	1.778.426.741.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		21.261.265.761.225	19.826.401.375.577


Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập


Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.761.552.624.120	1.496.959.799.265	3.213.959.541.395	2.770.677.739.218
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.761.552.624.120	1.496.959.799.265	3.213.959.541.395	2.770.677.739.218
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	890.826.292.049	851.209.346.995	1.706.737.647.926	1.487.064.424.482
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		870.726.332.071	645.750.452.270	1.507.221.893.469	1.283.613.314.736
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	687.002.230.881	62.249.296.402	747.133.245.340	91.517.551.504
8. Chi phí tài chính	23	VI.4	41.894.182.541	53.616.433.695	84.204.104.960	52.224.262.547
Trong đó: chi phí đi vay	24		44.029.240.537	22.412.391.748	84.903.781.994	49.767.022.846
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	208.831.612.215	84.685.501.806	314.742.795.800	168.254.104.015
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	152.001.742.721	120.601.851.077	295.682.297.829	245.993.153.795
11. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	27	V.2d	382.173.068.805	241.203.577.465	693.703.871.170	470.041.949.207
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.537.174.094.280	690.299.539.559	2.253.429.811.390	1.378.701.295.090
13. Thu nhập khác	31	VI.7	16.211.419.234	4.615.909.661	19.508.544.691	10.645.497.679
14. Chi phí khác	32		3.130.336.141	17.482.216.835	6.256.361.107	128.797.683.017
15. Lợi nhuận khác	40		13.081.083.093	(12.866.307.174)	13.252.183.584	(118.152.185.338)
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.550.255.177.373	677.433.232.385	2.266.681.994.974	1.260.549.109.752
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		264.437.313.985	106.990.557.739	337.056.328.954	168.121.462.965
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		427.621.735	(11.101.131.548)	(5.992.903.790)	(39.348.228.388)
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.285.396.241.653</u>	<u>559.341.523.098</u>	<u>1.923.622.762.230</u>	<u>1.052.959.318.399</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>1.133.486.076.607</u>	<u>422.620.796.841</u>	<u>1.667.729.902.561</u>	<u>848.236.864.657</u>
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>151.904.165.046</u>	<u>136.620.726.257</u>	<u>255.902.859.669</u>	<u>204.722.453.742</u>
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>2.445</u>	<u>1.817</u>	<u>3.597</u>	<u>1.866</u>
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>2.445</u>	<u>1.817</u>	<u>3.597</u>	<u>1.866</u>

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập



Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Quý 2 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.266.681.994.974	1.260.549.109.752
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		255.347.189.471	194.320.312.997
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.6; V.7; V.23	345.756.844	2.837.074.446
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(826.849.286)	(2.650.826.120)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	V.2d; VI.3; VI.7	(1.435.917.172.695)	(433.689.133.445)
- Chi phí đi vay	06	VI.4	84.903.781.994	49.767.022.846
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.170.534.701.302	1.071.133.560.476
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		265.372.291.197	137.966.314.725
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(56.438.756.211)	(12.100.086.387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		175.425.851.250	79.081.106.723
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(109.012.073.581)	17.874.912.328
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	-	4.377.458.904
- Chi phí đi vay đã trả	14	V.19; V.21; VI.4	(84.172.008.955)	(53.009.929.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(161.155.833.207)	(82.770.822.042)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(117.423.977.997)	(72.279.653.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.083.130.193.798	1.090.272.860.986
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.11; V.12	(432.471.914.347)	(642.449.395.819)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.7	740.852.696	802.901.218
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2c; V.2d	(3.101.922.771.492)	(1.227.013.109.208)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2c; V.2d	2.449.596.210.765	961.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(152.931.677.868)	(311.343.092.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2e; VI.3	924.972.480.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2c; V.5; VI.3	462.226.761.697	199.590.501.430
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		150.209.941.451	(1.019.412.194.879)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	62.097.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		366.259.332.168	626.750.374.233
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(365.202.655.976)	(614.131.045.866)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(21.333.810)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.069.954.539.210)	(362.531.163.607)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.068.897.863.018)	(287.836.169.050)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		164.442.272.231	(216.975.502.943)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.623.395.146.990	3.964.316.764.607
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		458.090.577	1.417.809.008
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.788.295.509.798	3.748.759.070.672

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026


Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập


Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện theo pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Tập đoàn Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược tập trung phát triển hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là Khai thác Cảng và Logistics:

- Khai thác Cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Nam Đình Vũ, Nam Hải ICD, cảng Dung Quất, cảng Phước Long, cảng Bình Dương và cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...;

Ngoài ra, Công ty đầu tư một số dự án có chọn lọc trong lĩnh vực Trồng rừng và Bất động sản:

- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viên Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong kỳ, Công ty tăng vốn vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ, Công ty Cổ phần Mekong Logistics và Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings).

Trong kỳ, công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của công ty tại Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings), Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam.

6. Cấu trúc tập đoàn

Tại thời điểm cuối kỳ, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 28 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm, Tập đoàn có 22 công ty con và 19 công ty liên doanh, liên kết). Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	62,10%	62,10%	62,10%	62,10%
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, TP. Hải Phòng, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept – Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	81,17%	81,17%	81,17%	81,17%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ ⁽ⁱ⁾	429/4 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, Khu phố 7, Phường Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulakiri, Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulakiri, Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	Rovak village, RoYo commune, Quận Koh Nhaek, Tỉnh Mondulakiri, Campuchia	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	184 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường Tam Thắng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương	TĐ số 1738, TĐ số 9 (8BT-B), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	80,09%	80,09%	80,09%	80,09%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gemadept Miền Trung	Tầng 9, tòa nhà Indochina Riverside Tower, 74 Bạch Đằng, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	98,12%	98,12%	100%	100%
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Bình Dương	TĐ số 1738, TĐ số 9 (8BT-B), Tổ 5, Khu phố Quyết Thắng, Phường Đông Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	48,05%	48,05%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Gemadept	Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, số 4 đường Lê Thánh Tôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty TNHH Liên doanh GMD ASL	Phòng 705, Tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, số 4 đường Lê Thánh Tôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30,60%	30,60%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Liên doanh GNL	Lô CN3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30,60%	30,60%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ	Lô KB3-02, Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ (Khu 1), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	88,54%	88,54%	88,54%	88,54%
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings) ⁽ⁱ⁾	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	100,00%	0,00%	100,00%	0,00%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics ^{(ii) (iii)}	Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ, Việt Nam	49,00%	0,00%	51,00%	0,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nam Đình Vũ	Lô CN 27, Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ (khu 1), thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	0,00%	60,00%	0,00%

(i) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

(ii) Đầu tư thêm chuyển từ công ty liên kết thành công ty con

(iii) Tập đoàn nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Mekong Logistics do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 51%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6b. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings) ⁽ⁱ⁾	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	49,10%	0,00%	49,10%
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept ⁽ⁱ⁾	Lô J1, Đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	49,10%	0,00%	49,10%
Công ty Cổ phần Mekong Logistics ⁽ⁱⁱ⁾	Khu công nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Châu Thành, TP Cần Thơ, Việt Nam	0,00%	25,02%	0,00%	25,02%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng ⁽ⁱ⁾	Phòng 711 - 718, tầng 7, Tòa nhà Thành Đạt 3, số 4 Lê Thánh Tôn, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng, Việt Nam	0,00%	49,10%	0,00%	49,10%
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings) ⁽ⁱⁱ⁾	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	51,00%	0,00%	50,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept ⁽ⁱⁱ⁾	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	0,00%	51,00%	0,00%	50,00%
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	63 Market Street #05 – 01A Bank of Singapore Centre, Singapore, 048942	0,00%	51,00%	0,00%	50,00%
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd. ⁽ⁱⁱ⁾	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	0,00%	51,00%	0,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Khu phố Tân Lộc, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	65,13%	65,13%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	35,88%	36,24%	35,88%	36,24%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm ⁽ⁱ⁾	267 Quang Trung, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	0,00%	26,56%	0,00%	26,56%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Xã Phước Hải, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 Đường 30/4, Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	Số 213/13 đường Nguyễn Gia Trí, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,02%	32,02%	39,98%	39,98%
Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)	Phòng 211, Lầu 2, Tòa nhà Thành Đạt, số 4 đường Lê Thánh Tôn, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công Ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Y tế Phú Hưng	127 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, TP Hồ Chí Minh	41,18%	41,18%	41,18%	41,18%

- (i) Thoái vốn trong kỳ
- (ii) Đầu tư thêm chuyển từ công ty liên kết thành công ty con
- (iii) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
8. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Tập đoàn có 1.959 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.613 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 2 năm 2026 bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2026.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20/04/2026 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kể từ ngày 01/01/2026, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số IV.3);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số IV.5);
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số IV.15)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con. Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Báo cáo tình hình tài chính Hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua bán ngoại tệ chuyển khoản trung bình của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 02%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 02% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng,... giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Tập đoàn chủ yếu là chi phí nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời hạn thuê đất.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí phần mềm

Chi phí phần mềm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 06 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

Các chi phí phát sinh liên quan đến các lô cây trồng sinh trưởng kém sẽ được ghi giảm vào chi phí khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong kỳ là số tổn thất phát sinh. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả cổ tức: Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật liên quan

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào

giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	15.093.182.714	14.475.059.793
Tiền gửi ngân hàng	516.771.247.635	376.142.925.545
Các khoản tương đương tiền	1.256.431.079.449	1.232.777.161.652
Cộng	1.788.295.509.798	1.623.395.146.990

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	(25.395.934.940)
Hoàn nhập/(trích lập) trong kỳ	-	1.073.920.455
Số cuối kỳ	-	(24.322.014.485)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn	3.499.360.771.961	-	2.776.260.403.999	-
Cho vay	66.433.705.693	(12.842.177.537)	65.849.924.192	(12.744.533.023)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.623.500.000	(2.623.500.000)	2.623.500.000	(2.623.500.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch Vụ Thương Mại Nhật Thái	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mặt Trời Mộc	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Lãi cho vay dự thu	5.510.205.693	(1.918.677.537)	4.926.424.192	(1.821.033.023)
Các tổ chức khác	8.300.000.000	(8.300.000.000)	8.300.000.000	(8.300.000.000)
Cộng	3.565.794.477.654	(12.842.177.537)	2.842.110.328.191	(12.744.533.023)

2c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Cho vay	8.203.124.110	-	8.100.000.000	-
Cho các tổ chức khác vay	8.203.124.110	-	8.100.000.000	-
Cộng	8.203.124.110	-	8.100.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2d. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Giá gốc	Số cuối kỳ Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	1.477.350.000.000	2.008.632.741.861	3.485.982.741.861	1.477.350.000.000	1.476.612.722.281	2.953.962.722.281
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	405.366.553.895	396.888.331.477	802.254.885.372	405.366.553.895	277.431.815.833	682.798.369.728
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings)	131.555.876.205	(131.555.876.205)	-	131.555.876.205	328.984.737.162	460.540.613.367
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line –Gemadept	108.001.500.000	10.665.736.967	118.667.236.967	108.001.500.000	13.286.274.107	121.287.774.107
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings)	104.620.023.000	(104.620.023.000)	-	104.620.023.000	70.458.193.614	175.078.216.614
Công ty TNHH Golden Globe	103.823.882.496	(12.100.266.751)	91.723.615.745	103.823.882.496	(10.395.000.123)	93.428.882.373
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	25.905.494.857	88.443.558.954	62.538.064.097	23.331.568.088	85.869.632.185
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(49.825.280.000)	-	49.825.280.000	(25.763.637.964)	24.061.642.036
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	128.647.490.400	(7.689.647.405)	120.957.842.995	128.647.490.400	(199.488.165)	128.448.002.235
Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)	7.750.000.000	535.046.084	8.285.046.084	7.750.000.000	535.046.084	8.285.046.084
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Y tế Phú Hưng	82.350.000.000	1.368.053.254	83.718.053.254	82.350.000.000	631.473.941	82.981.473.941
Các công ty liên doanh, liên kết khác	28.396.608.143	(17.316.282.406)	11.080.325.737	28.396.608.143	(17.035.985.298)	11.360.622.845
Cộng	2.690.225.278.236	2.120.888.028.733	4.811.113.306.969	2.690.225.278.236	2.137.877.719.560	4.828.102.997.796

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Năm nay****Năm trước****Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept –
Terminal Link**

Doanh thu dịch vụ	36.127.091.725	33.730.306.036
Doanh thu cho thuê tài sản	34.601.172	-
Chi phí dịch vụ	407.438.538	232.558.425
Chi hộ	308.250.000	80.230.000
Chi phí khác	-	16.946.000

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn

Cổ tức được chia	-	110.982.597.000
------------------	---	-----------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu**

Cổ tức được chia	1.446.300.000	2.024.820.000
------------------	---------------	---------------

Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm

Lãi cho vay	97.644.514	84.562.952
-------------	------------	------------

Chi hộ	-	61.100.092
--------	---	------------

Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept

Doanh thu dịch vụ	25.254.998.897	18.302.025.927
-------------------	----------------	----------------

Doanh thu cho thuê văn phòng	207.238.200	201.792.100
------------------------------	-------------	-------------

Lợi nhuận được chia	6.800.000.000	11.000.000.000
---------------------	---------------	----------------

Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng

Doanh thu dịch vụ	-	7.500.000
-------------------	---	-----------

Công ty Cổ phần Mekong Logistics

Doanh thu dịch vụ	159.311.914	124.412.311
-------------------	-------------	-------------

Cho vay	20.000.000.000	-
---------	----------------	---

Lãi cho vay	431.884.932	-
-------------	-------------	---

Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept

Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản, phí đại lý tàu	134.851.980.039	45.571.967.920
---	-----------------	----------------

Chi phí dịch vụ	41.861.683.837	17.658.133.628
-----------------	----------------	----------------

Thu hộ	39.943.827.955	19.381.086.201
--------	----------------	----------------

Chi hộ	52.488.141.352	24.431.327.169
--------	----------------	----------------

Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept

Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	10.624.114.921	9.702.876.285
-------------------------------------	----------------	---------------

Chi phí dịch vụ	3.451.342.530	1.480.184.675
-----------------	---------------	---------------

Chi hộ	273.578.804	284.906.990
--------	-------------	-------------

Nhận chuyển nhượng	173.110.893.000	-
--------------------	-----------------	---

Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)

Doanh thu dịch vụ, cho thuê tài sản	11.091.701.913	-
-------------------------------------	----------------	---

Chi phí dịch vụ	6.904.259.774	-
-----------------	---------------	---

Chi hộ	143.982.589	-
--------	-------------	---

Góp vốn	-	7.750.000.000
---------	---	---------------

Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn

Cổ tức được chia	9.995.920.000	-
------------------	---------------	---

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****2e. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ Tầng Mặt trời Đông Dương	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công Ty TNHH Jinjiang Shipping (Việt Nam)	892.687.500	-	892.687.500	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	-	-	5.000.000.000	(2.641.538.576)
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	21.000.000	(21.000.000)	21.000.000	(21.000.000)
Cộng	36.913.687.500	(21.000.000)	41.913.687.500	(2.662.538.576)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	35.521.823.648	132.242.901.845
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	27.663.663.454	98.575.818.028
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	-	28.889.845.245
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6.488.969.655	4.777.238.572
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	2.268.000	-
Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)	1.366.922.539	-
Phải thu các khách hàng khác	854.598.852.670	541.541.987.449
Các khách hàng khác	854.598.852.670	541.541.987.449
Cộng	890.120.676.318	673.784.889.294

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước các nhà cung cấp khác	198.919.448.215	196.842.503.241
Shanghai Zhenhua Heavy Industries Co., Ltd	59.699.531.353	59.699.531.353
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	22.192.800.000	22.192.800.000
LIEBHERR – MCCtec Rostock GmbH	21.457.261.824	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng Việt Nam	-	23.018.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bông Sen Vàng	-	9.923.381.296
Các nhà cung cấp khác	95.569.855.038	82.007.990.592
Cộng	198.919.448.215	196.842.503.241

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	41.626.603.628	126.106.841.550
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	29.619.628.500	29.377.398.750
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Lãi cho vay, chi hộ	2.011.055.128	3.832.088.151
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Chi hộ	-	411.857.149

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn - Cổ tức được chia	9.995.920.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn – Cổ tức được chia	-	92.485.497.500
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	388.321.010.414	350.853.865.273
Tạm ứng	206.519.773.440	180.808.628.139
Các khoản chi hộ	16.287.983.695	1.342.012.794
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	4.000.000.000	4.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	118.695.640.756	110.630.624.449
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	42.817.612.523	54.072.599.891
Cộng	429.947.614.042	476.960.706.823

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tư vấn Đầu tư Xây dựng Quốc Bảo – Góp vốn hợp tác kinh doanh khai thác bãi	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản ký quỹ, đặt cọc dài hạn	10.554.151.100	15.739.995.138
Cộng	33.554.151.100	38.739.995.138

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(40.729.485.540)	(43.650.685.045)
(Dự phòng) trong kỳ	(734.522.330)	(85.248.121)
Số cuối kỳ	(41.464.007.870)	(43.735.933.166)

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	64.268.338.746	-	47.429.105.027	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	52.812.696.086	-	12.639.701.874	-
Phụ tùng thay thế	14.183.020.315	-	17.345.452.551	-
Công cụ dụng cụ	687.569.553	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.580.043.469	-	9.580.043.469	-
Hàng hóa, thành phẩm	7.385.040.105	-	5.483.649.142	-
Cộng	148.916.708.274	-	92.477.952.063	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	9.445.068.971	801.775.170
Chi phí sửa chữa, nạo vét	33.920.669.540	41.131.624.803
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.586.203.434	7.488.921.191
Cộng	50.951.941.945	49.422.321.164

8b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất ⁽ⁱ⁾	1.343.203.381.127	1.254.484.198.756
Chi phí sửa chữa	91.052.370.303	72.781.450.632
Các chi phí trả trước dài hạn khác	34.590.096.658	34.097.745.900
Cộng	1.468.845.848.088	1.361.363.395.288

- ⁽ⁱ⁾ Tiền thuê đất của Công ty Cổ phần ICD Nam Hải, Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Nam Đình Vũ. Tiền thuê đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	3.320.830.855.353	2.785.556.388.122	1.945.051.790.255	113.130.826.721	8.164.569.860.451
Mua trong kỳ	674.164.600	36.236.532	38.154.199.080	112.866.667	38.977.466.879
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.947.407.829	107.276.162.471	160.030.239.245	-	319.253.809.545
Thanh lý, nhượng bán	-	(75.700.000)	(2.382.599.089)	-	(2.458.299.089)
Tăng/(Giảm) khác	242.586.528.562	204.596.042.034	222.158.579.505	5.862.611.701	675.203.761.802
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	2.110.682.976	31.012.460	226.585.348	11.398.225	2.379.679.009
Số cuối kỳ	3.618.149.639.320	3.097.420.141.619	2.363.238.794.344	119.117.703.314	9.197.926.278.597
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.065.045.896.125	718.492.421.579	990.252.748.742	52.043.410.175	2.825.834.476.621
Khấu hao trong kỳ	77.320.902.878	86.287.934.138	60.345.267.819	9.719.941.020	233.674.045.855
Thanh lý, nhượng bán	-	(75.700.000)	(2.382.599.089)	-	(2.458.299.089)
Tăng/(giảm) khác	51.928.606.448	140.686.283.259	191.597.543.744	5.690.827.988	389.903.261.439
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	2.053.604.070	27.921.835	179.064.437	11.172.045	2.271.762.387
Số cuối kỳ	1.196.349.009.521	945.418.860.811	1.239.992.025.653	67.465.351.228	3.449.225.247.213
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.255.784.959.228	2.067.063.966.543	954.799.041.513	61.087.416.546	5.338.735.383.830
Số cuối kỳ	2.421.800.629.799	2.152.001.280.808	1.123.246.768.691	51.652.352.086	5.748.701.031.384

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	259.912.568.266
Tăng khác	-
Số cuối kỳ	259.912.568.266
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	259.912.568.266
Khấu hao trong kỳ	-
Số cuối kỳ	259.912.568.266
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	-
Số cuối kỳ	-

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Chi phí thiết kế trang Web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	321.191.754.410	69.357.900.666	30.000.000	390.579.655.076
Mua trong kỳ	-	2.147.735.000	-	2.147.735.000
Tăng/(Giảm) khác	-	6.067.500.000	-	6.067.500.000
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	2.637.884.880	1.283.335	-	2.639.168.215
Số cuối kỳ	323.829.639.290	77.574.419.001	30.000.000	401.434.058.291
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	91.641.891.259	53.480.519.637	30.000.000	145.152.410.896
Khấu hao trong kỳ	3.223.968.990	3.050.390.272	-	6.274.359.262
Tăng/(Giảm) khác	-	5.006.666.667	-	5.006.666.667
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá	755.628.250	1.283.335	-	756.911.585
Số cuối kỳ	95.621.488.499	61.538.859.911	30.000.000	157.190.348.410
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	229.549.863.151	15.877.381.029	-	245.427.244.180
Số cuối kỳ	228.208.150.791	16.035.559.090	-	244.243.709.881

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển tăng/(giảm) khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	130.163.219.329	83.149.257.083	(108.472.878.963)	-	104.839.597.449
XDCB dở dang	1.139.765.970.699	193.240.403.497	(210.780.930.582)	7.905.701.790	1.130.131.145.404
Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.165.085.825	-	-	-	51.165.085.825
Dự án trồng cao su của Pacific Pride	594.114.390.100	360.935.410	-	4.898.738.020	599.374.063.530

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển tăng/(giảm) khác	Số cuối kỳ
<i>Dự án trồng cao su của Pacific Pearl</i>	234.225.180.174	239.370.450	-	1.931.291.035	236.395.841.659
<i>Dự án trồng cao su của Pacific Lotus</i>	130.456.588.676	104.239.850	-	1.075.672.735	131.636.501.261
<i>Dự án Cảng Nam Đình Vũ</i>	129.078.725.924	83.941.692.175	(210.780.930.582)	-	2.239.487.517
<i>Các dự án khác</i>	726.000.000	108.594.165.612	-	-	109.320.165.612
Cộng	1.269.929.190.028	276.389.660.580	(319.253.809.545)	7.905.701.790	1.234.970.742.853

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	357.211.942.796	246.350.066.371
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	5.056.862.524	38.935.248.868
Bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	780.812.164	412.979.520
Số cuối kỳ	363.049.617.484	285.698.294.759

14. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Bình Dương, Công ty Cổ phần Dịch vụ cảng Nam Đình Vũ, Công ty Cổ phần Mekong Logistics và Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings). Chi tiết phân bổ như sau:

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	308.762.392.142	175.438.503.093	133.323.889.049
Tăng do hợp nhất kinh doanh	6.427.671.119	-	-
Phân bổ trong kỳ	-	15.398.784.354	-
Số cuối kỳ	315.190.063.261	190.837.287.447	124.352.775.814

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	5.502.311.600	10.764.347.620
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	-	3.609.264.324
Công ty Cổ phần Phát Triển Sài Gòn	5.042.712.283	6.490.797.408
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	-	601.671.888
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	459.599.317	62.614.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	798.497.656.368	675.422.999.420
Cộng	803.999.967.968	686.187.347.040

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	12.711.358.779	9.842.248.827
Các khách hàng khác	12.711.358.779	9.842.248.827
Cộng	12.711.358.779	9.842.248.827

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	14.411.581.265	1.257.823.693	18.651.328.167	130.818.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	298.511.483.474	3.136.493.991	126.349.732.815	2.582.270.433
Thuế thu nhập cá nhân	8.089.035.737	-	14.352.927.716	-
Các loại thuế khác	396.031.988	744.490.043	768.518.916	688.982.944
Cộng	321.408.132.464	5.138.807.727	160.122.507.614	3.402.071.559

18. Phải trả người lao động

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	57.388.964	-
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	57.388.964	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	383.545.548.433	375.331.544.065
Chi phí bốc xếp, vận chuyển, hoa hồng môi giới	22.322.252.326	104.081.243.852
Chi phí thi công công trình	10.000.000.000	10.053.697.163
Chi phí đi vay	3.625.056.929	2.893.283.890
Chi phí cho dự án trồng cao su	5.354.668.330	4.633.331.066
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	342.243.570.848	253.669.988.094
Cộng	383.602.937.397	375.331.544.065

20. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**20a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

Tiền nhận trả trước về cho thuê tài sản cố định.

20b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	179.592.552.819	183.062.460.406
Lãi hoãn lại do cung cấp dịch vụ cho cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	66.963.869.363	69.910.806.364
Cộng	246.556.422.182	252.973.266.770

21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	79.541.731	1.230.708.934
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ	-	1.151.167.203
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Nhờ chi hộ	7.237.231	7.237.231
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	489.241.218.446	327.237.496.326

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	13.524.522.440	15.057.653.351
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	2.690.609.167	1.060.791.687
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	16.971.944.164	9.567.254.311
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	52.523.049.379	47.072.349.719
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	403.531.093.296	254.479.447.258
Cộng	489.320.760.177	328.468.205.260

21b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	235.189.624.120	231.012.177.679
Chi phí thuê đất ⁽ⁱ⁾	126.907.824.120	124.012.177.679
Các khoản phải trả dài hạn khác	108.281.800.000	107.000.000.000
Cộng	235.189.624.120	231.012.177.679

- ⁽ⁱ⁾ Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãnh Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2026. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	322.806.979.276	80.014.209.809
Vay Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) – CN Hà Nội	-	5.746.902.249
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	43.495.314.376
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	-	3.342.479.662
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trung Tâm Sài Gòn	172.742.077.624	-
Vay ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	150.064.901.652	20.381.868.417
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh TP.HCM	-	7.047.645.105
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả các tổ chức	-	227.508.250.334
Vay dài hạn đến hạn trả	-	227.508.250.334
Cộng	322.806.979.276	307.522.460.143

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	626.176.255.029	701.208.705.855
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	128.958.175.557	-
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trung tâm Sài Gòn	1.441.235.917.023	1.380.431.309.138
Cộng	2.196.370.347.609	2.081.640.014.993

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng chi phí bảo hành công trình xây dựng	9.688.571.854	9.688.571.854
Dự phòng tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển	123.630.968.110	129.673.858.543
Cộng	133.319.539.964	139.362.430.397

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ Hội đồng quản trị.

25. Vốn chủ sở hữu**25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	4.264.951.090.000	-	-	4.264.951.090.000
Thặng dư vốn	3.920.183.061.040	-	-	3.920.183.061.040
Vốn khác của chủ sở hữu	128.097.775.902	-	-	128.097.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	468.455.589.543	11.025.370.517	-	479.480.960.060
Quỹ đầu tư phát triển	73.121.317.440	-	-	73.121.317.440
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	72.381.836.572	-	-	72.381.836.572
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.212.636.741.407	1.667.729.902.561	(1.100.914.848.210)	4.779.451.795.758
Cộng	13.139.827.411.904	1.678.755.273.078	(1.100.914.848.210)	13.717.667.836.772

25b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	426.495.109	426.495.109
- Cổ phiếu phổ thông	426.495.109	426.495.109
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	426.495.109	426.495.109
- Cổ phiếu phổ thông	426.495.109	426.495.109
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

25c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của các Công ty con lập bằng USD sang VND.

26. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	2.750.594.712.066	2.447.088.479.874
Doanh thu hoạt động logistics, cho thuê văn phòng, khác	463.364.829.329	323.589.259.344
Cộng	3.213.959.541.395	2.770.677.739.218

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2d, Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	1.458.683.088.130	1.323.600.322.590
Giá vốn hoạt động logistics	248.054.559.796	163.464.101.892
Cộng	1.706.737.647.926	1.487.064.424.482

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	131.585.973.692	82.256.220.754
Lãi tiền cho vay	2.215.086.975	686.661.582
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.471.891.437	8.254.234.588
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư dài hạn	608.667.908.341	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	192.384.895	320.434.580
Cộng	747.133.245.340	91.517.551.504

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí đi vay	84.903.781.994	49.767.022.846
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.803.630.773	1.302.763.468
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	-	2.185.098.904
Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản đầu tư tài chính	(2.641.538.576)	(1.133.671.024)
Chi phí tài chính khác	138.230.769	103.048.353
Cộng	84.204.104.960	52.224.262.547

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới, chi phí khác cho hoạt động bán hàng.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	122.778.281.093	115.675.419.454
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	6.177.356.432	4.082.181.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.413.243.485	13.515.011.503
Phân bổ lợi thế thương mại	15.398.784.354	13.801.798.706
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.687.379.599	42.778.660.644
Chi phí khác	93.227.252.866	56.140.082.453
Cộng	295.682.297.829	245.993.153.795

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	740.852.696	802.901.218
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	6.416.844.588	5.573.450.783
Thu nhập khác	12.350.847.407	4.269.145.678
Cộng	19.508.544.691	10.645.497.679

(*) Doanh thu chưa thực hiện bao gồm:

- Phân bổ khoản đánh giá lại quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link phát sinh từ năm 2008 với số tiền 283.980.000.000 VND, thời gian phân bổ 48 năm và 10 tháng.
- Phân bổ toàn bộ giá trị còn lại của khoản đánh giá lại giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings) phát sinh từ năm 2017 với số tiền gốc 5.622.625.365 VND với thời gian phân bổ 10 năm.
- Phân bổ khoản lợi nhuận chưa ghi nhận liên quan đến doanh thu dịch vụ tư vấn và thi công công trình cho Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link tương ứng với phần đã khấu hao và phân bổ trong năm của các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Lãi trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	1.667.729.902.561	848.236.864.657
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(133.483.888.550)	(67.858.949.173)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.534.311.510.356	780.377.915.484
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	426.495.109	418.137.340
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.597	1.866
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.597	1.866

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.215.900.538	163.847.354.780
Chi phí nhân công	337.750.336.260	292.043.555.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định và lợi thế thương mại phân bổ	255.347.189.471	194.320.312.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.245.584.663.556	1.006.508.358.607
Chi phí khác	268.264.651.730	244.592.099.972
Cộng	2.317.162.741.555	1.901.311.682.292

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	16.772.343.159	12.812.367.333
Thu nhập khác	3.090.000.000	3.180.000.000
Cộng	19.862.343.159	15.992.367.333

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding (tên cũ Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings)	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Logistics Holdings Việt Nam (tên cũ là Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings)	Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết (đến ngày 14 tháng 04 năm 2026)
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026)
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành công ty con)
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (đến ngày 30 tháng 06 năm 2026 trở thành Công ty con của Công ty con)
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của công ty liên kết (đến ngày 05 tháng 05 năm 2026)
Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH JinJiang Shipping Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết của công ty con
Công Ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Y tế Phú Hưng	Công ty liên kết của công ty con

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.15, V.16, V.19, V.21 và V.22.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2026

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế

	<u>Quý 2 năm 2026</u>	<u>Quý 2 năm 2025</u>	<u>Chênh lệch tăng</u>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.133.486.076.607	422.620.796.841	710.865.279.766

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2026 của công ty mẹ đạt hơn 1.133 tỷ đồng, tăng gần 711 tỷ so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh tăng hơn 69 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng gần 637 tỷ đồng do phát sinh lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn.

	<u>6TĐN năm 2026</u>	<u>6TĐN năm 2025</u>	<u>Chênh lệch tăng</u>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	1.667.729.902.561	848.236.864.657	819.493.037.904

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 của công ty mẹ đạt gần 1.668 tỷ đồng, tăng hơn 819 tỷ so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng hơn 27 tỷ đồng.
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính tăng gần 624 tỷ đồng do phát sinh lợi nhuận từ chuyển nhượng vốn.
- Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết tăng hơn 223 tỷ đồng.
- Lợi nhuận khác tăng gần 131 tỷ và lợi nhuận từ cổ đông không kiểm soát giảm gần 16 tỷ.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng hơn 202 tỷ.

Phê duyệt ngày 30 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Ngọc Sơn
Người lập



Khoa Năng Lưu
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Bình
Người đại diện pháp luật